CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

Tổng Công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện - CTCP

Ngày 30/06/2025	25,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	3.7%	**-6.0%**	**-**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	21,233 - 37,167
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	531
Số lượng CPLH (CP)	20,999,440
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,055
Sở hữu nước ngoài	1.9%
Beta	0.52
EPS	2,934
P/E	8.6

DT thuần
Q2/25
485
tỷ VNĐ
QoQ: ▼34.0| -6.6%
YoY: ▲ 97.0| 24.9%

LN thuần
Q2/25
13.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.20| 1.9%
YoY: ▲ 2.90| 29.1%

LN sau thuế
Q2/25
10.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.20| 104%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
2.7%
YoY: +/-▲ 0.2%

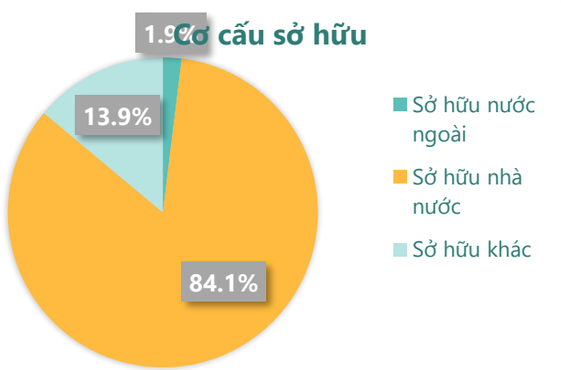
ROE (TTM)
Q2/25
20.5%
YoY: +/-▲ 3.1%

DT thuần
6T 2025
1,004
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 205| 25.6%

LN thuần
6T 2025
25.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼8.60| -24.9%

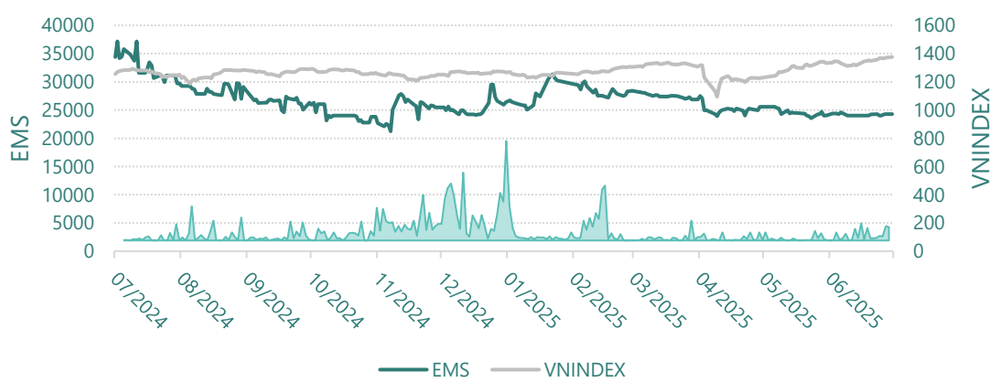
LN sau thuế
6T 2025
20.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼4.20| -17.0%

Cơ cấu sở hữu

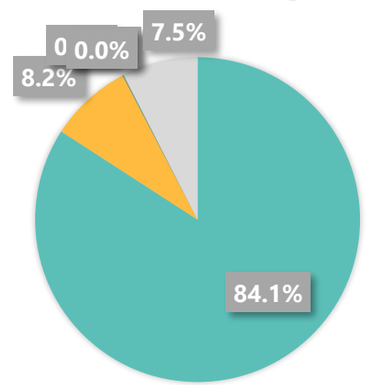


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

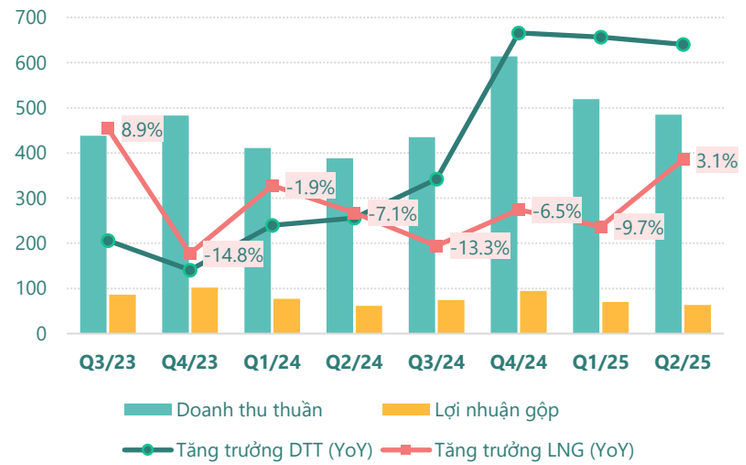




(Nguồn: fireant.vn)

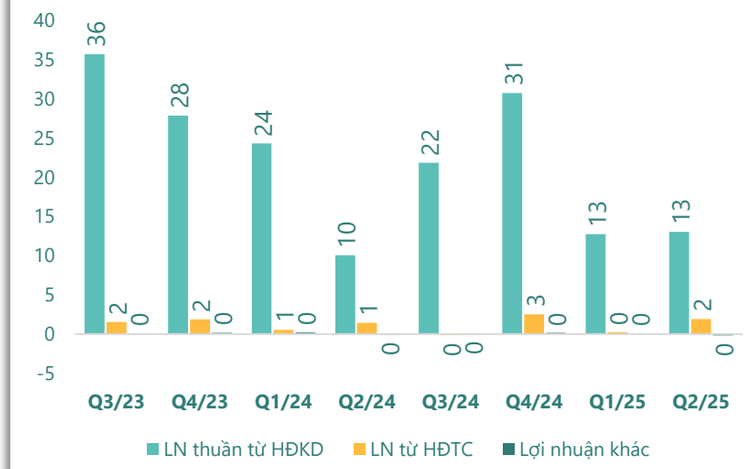
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



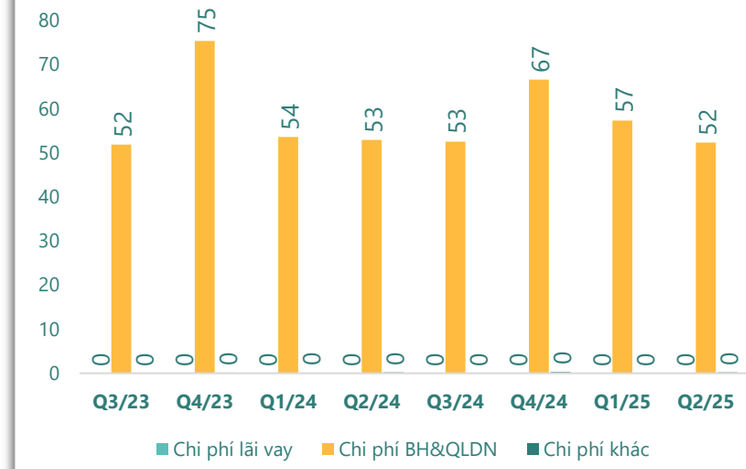
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



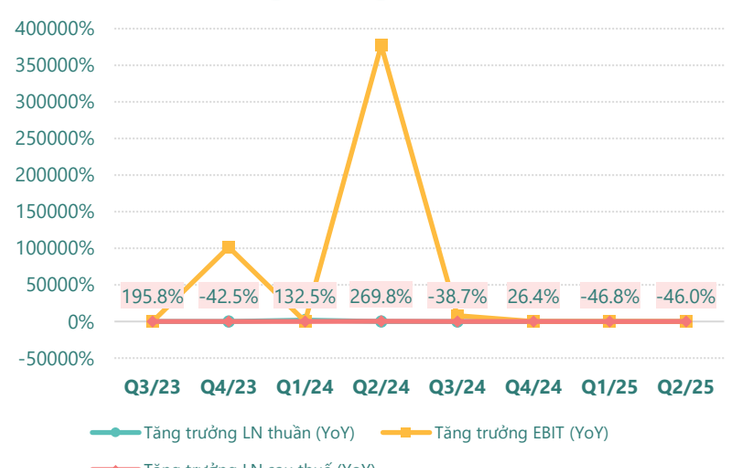
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



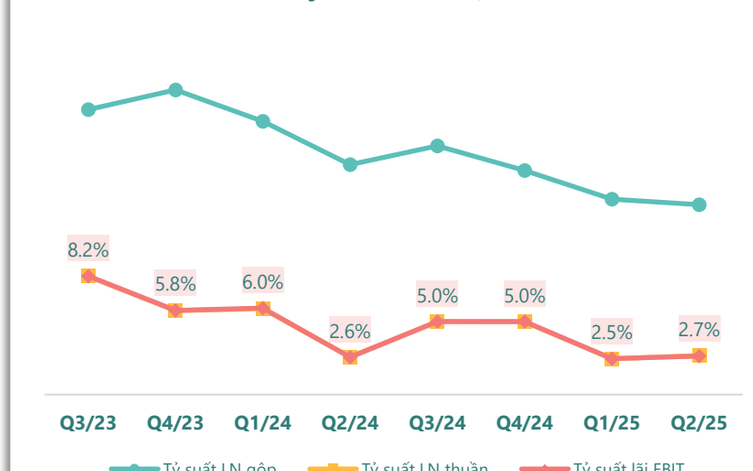
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



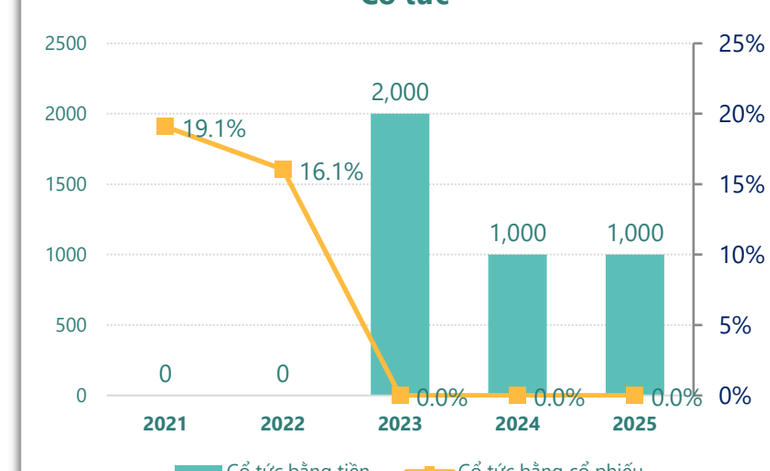
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

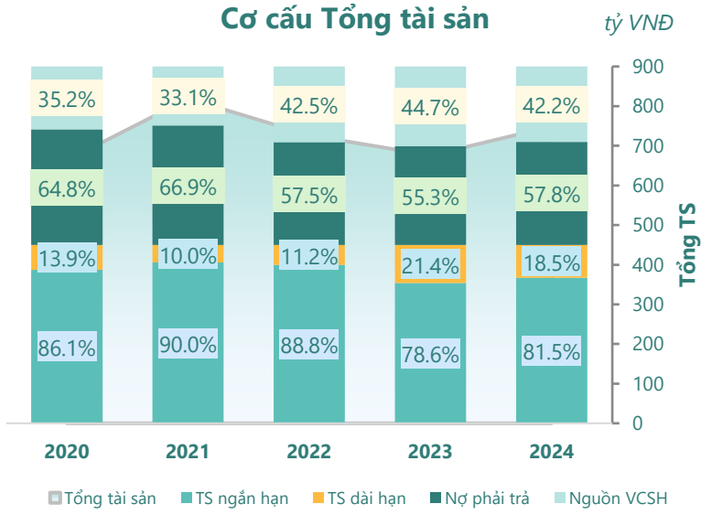
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

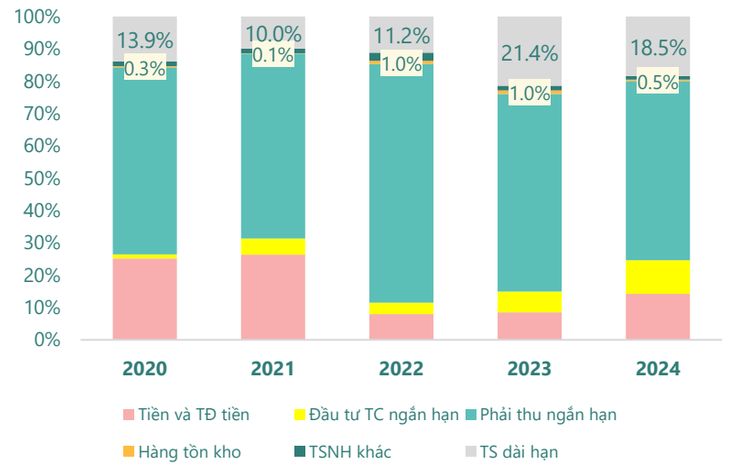
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



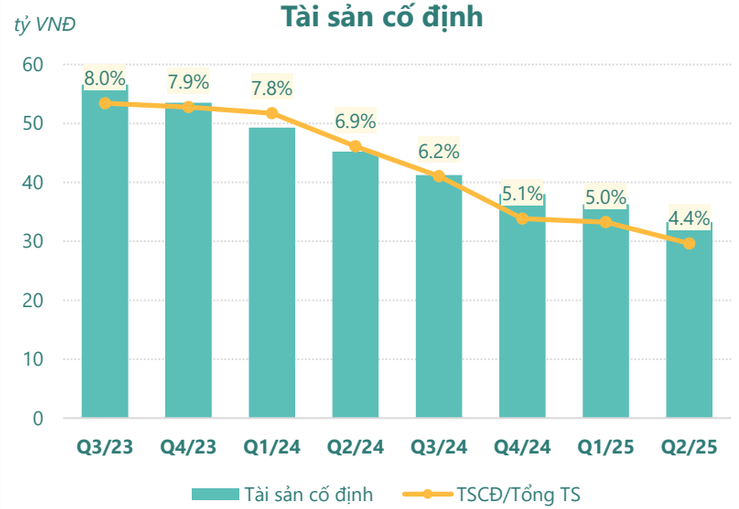
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



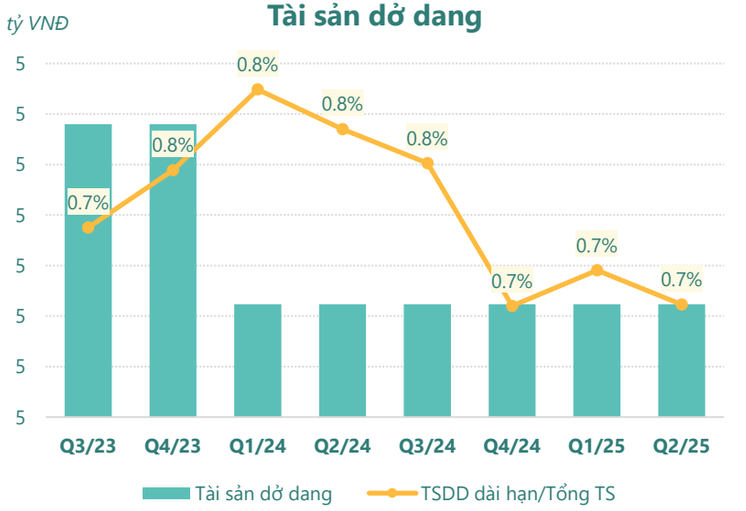
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



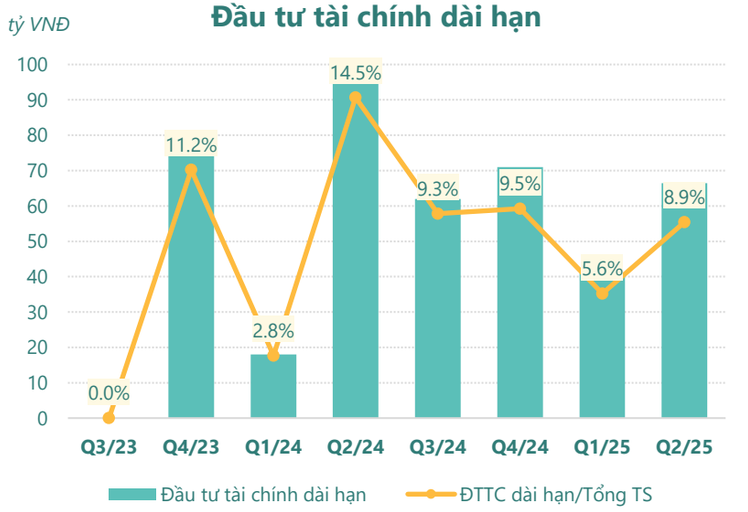
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



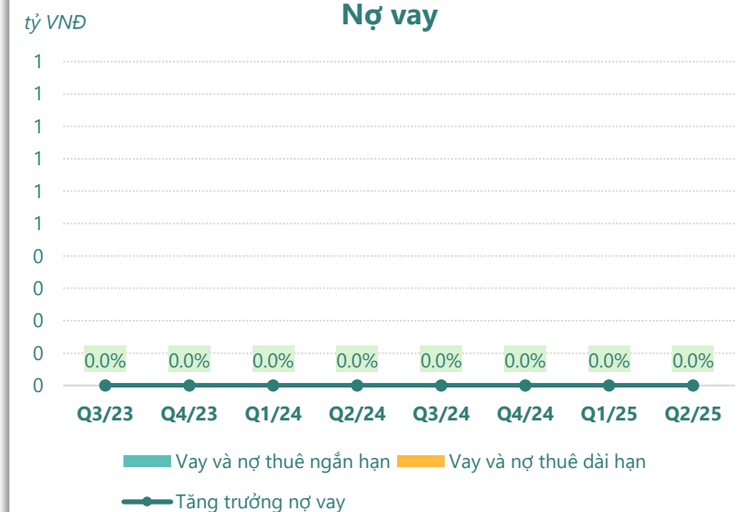
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

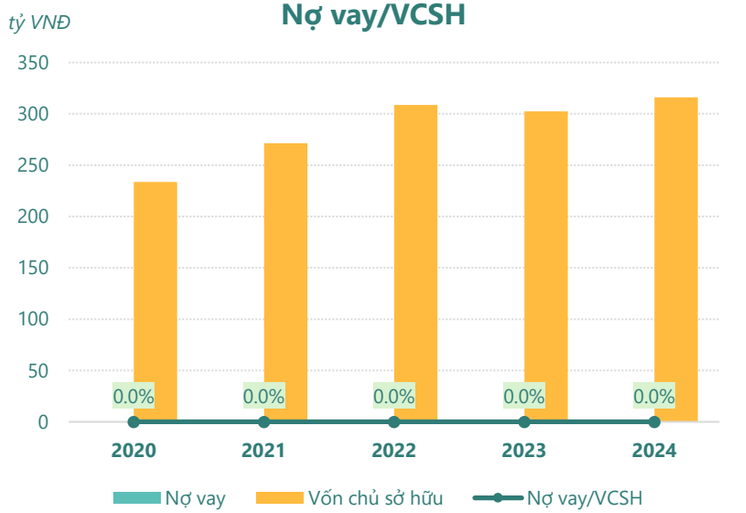
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

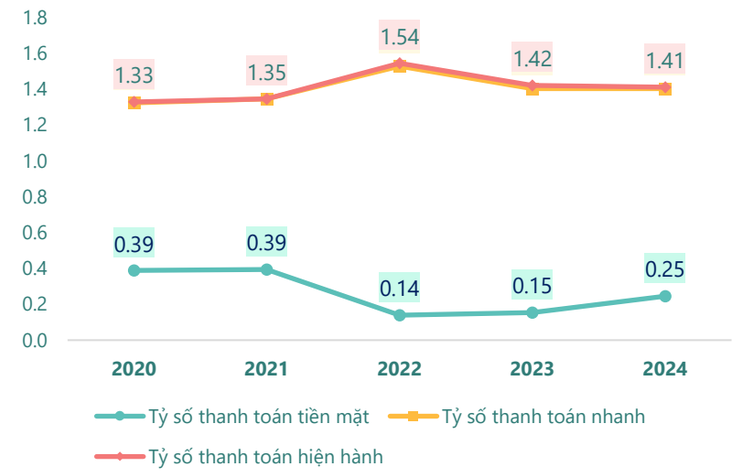
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



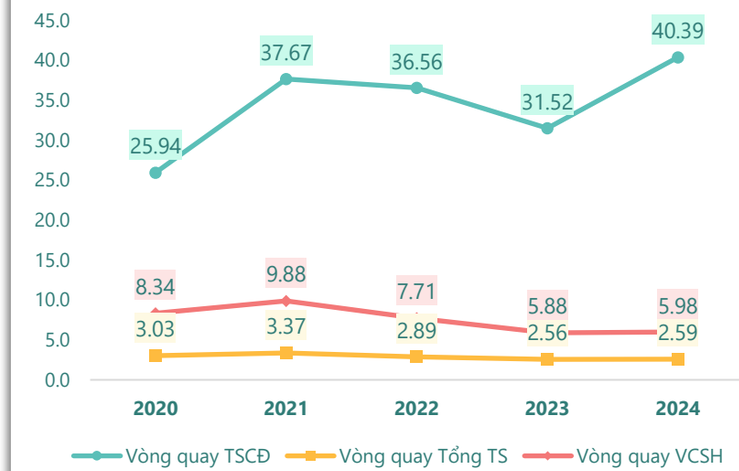
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



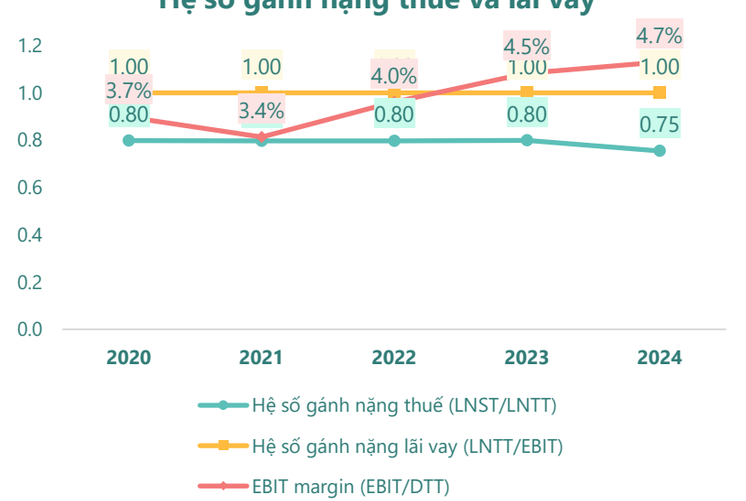
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



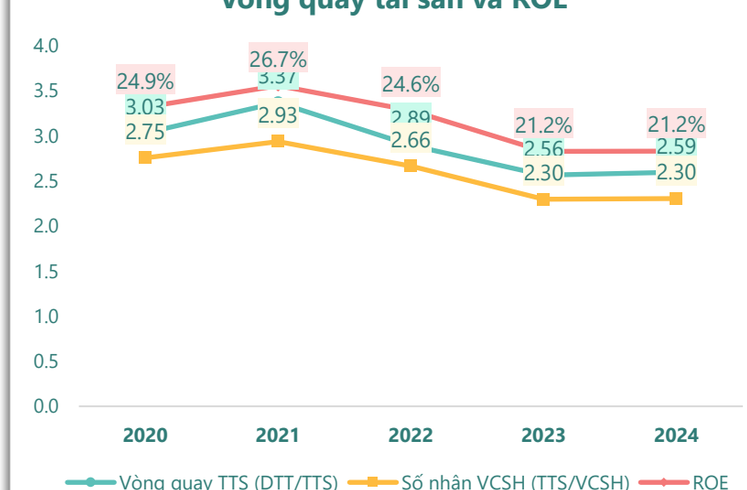
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



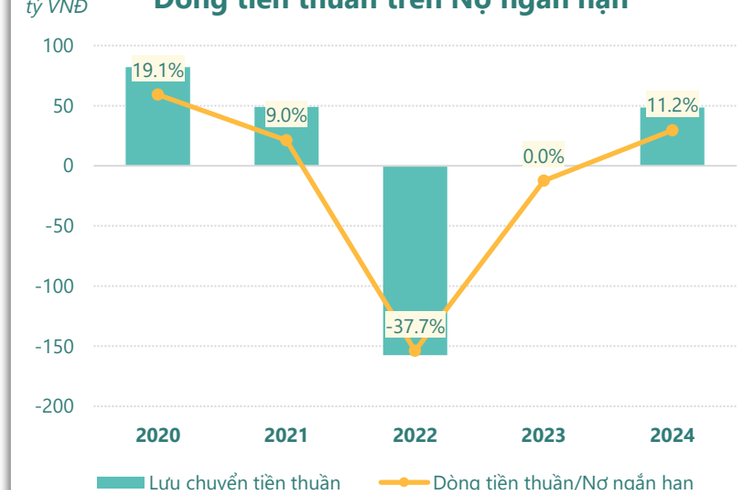
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**485**	**388**	**24.9%**	**1,004**	**799**	**25.6%**
Giá vốn hàng bán	421	327	28.8%	870	660	31.8%
Lợi nhuận gộp	63.4	61.5	3.1%	133	139	-4.0%
Doanh thu HĐTC	3.10	1.57	97.7%	3.80	2.20	72.8%
Chi phí TC	1.17	0.13	803%	1.65	0.23	627%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	19.5	16.3	19.9%	41.4	33.5	23.6%
Chi phí QLDN	**32.7**	**36.6**	**-10.5%**	**68.2**	**72.9**	**-6.5%**
LN thuần từ HĐKD	13.0	10.1	29.1%	25.8	34.4	-24.9%
Lợi nhuận khác	**-0.16**	**-0.06**	**-163%**	**-0.07**	**0.16**	**-147%**
LN trước thuế	12.9	10.0	28.8%	25.7	34.5	-25.5%
Lợi nhuận sau thuế	**10.2**	**5.00**	**104%**	**20.4**	**24.6**	**-17.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**10.2**	**5.00**	**104%**	**20.4**	**24.6**	**-17.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-52.4	26.7	75.2	56.0	-52.5	52.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	57.8	-56.1	-19.8	-18.4	44.3	-48.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.02	-0.02	-3.06	-17.6	-0.05	0.00
Tiền đầu kỳ	57.7	63.3	33.9	85.8	106	98.1
Lưu chuyển tiền thuần	**5.44**	**-29.4**	**52.4**	**20.0**	**-8.24**	**3.88**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.09	0.06	-0.46	0.50	0.03	0.17
Tiền cuối kỳ	63.3	33.9	85.8	106	98.1	102

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**748**	**749**	**-0.1%**
Tài sản ngắn hạn	622	610	2.0%
Tiền và tương đương tiền	102	106	-3.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	88.5	77.9	13.5%
Phải thu ngắn hạn	418	415	0.9%
Hàng tồn kho	2.45	3.70	-33.8%
Tài sản ngắn hạn khác	11.0	7.84	39.7%
Tài sản dài hạn	**126**	**138**	**-9.0%**
Phải thu dài hạn	11.0	13.2	-16.8%
Tài sản cố định	33.3	38.0	-12.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	5.12	5.12	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	66.4	71.0	-6.5%
Tài sản dài hạn khác	**10.1**	**11.0**	**-8.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	443	433	2.3%
Nợ ngắn hạn	**442**	**432**	**2.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	161	185	-13.0%
Nợ dài hạn	0.38	0.29	32.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**306**	**316**	**-3.3%**
Vốn chủ sở hữu	**306**	**316**	**-3.3%**
Vốn điều lệ	210	210	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)